

Bản án số: **14/2022/HS - ST**
Ngày: 17 - 3 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Lĩnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảy và ông Nguyễn Văn Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai – tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 03 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã HM tỉnh NA xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 03 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị B**; sinh ngày 05 tháng 5 năm 1972, tại thị xã HM; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Khôi TH, phường QT, thị xã HM, tỉnh NA; giới T: Nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Viết L (Đã chết) và bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Tịnh) (Đã chết); anh chị em ruột: Gia đình có 09 người, bị cáo là con thứ 09; có chồng: Nguyễn Bá S; sinh năm 1966; con: có 02 con, con lớn nhất 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 29/11/2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Ông Vũ A, sinh năm 1952. Có mặt.

Địa chỉ: Khôi TH, phường QT, thị xã HM, tỉnh NA.

- Người làm chứng:

1. Ông Ngô Trí T, sinh năm 1966. Vắng mặt.

2. Bà Lê Thị M, sinh năm 1962. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Nguyễn Thị B và bà Bùi Thị Ý (là vợ ông Vũ A) có quan hệ vay nợ. Hai bên đã giải quyết xong với nhau nhưng Nguyễn Thị B cho rằng quyền L của mình chưa đảm bảo.

Vào ngày 21 tháng 7 năm 2021, biết ông Vũ A (sinh năm 1952, trú tại khối TH, phường QT) là chồng của bà Ý sẽ đến Ban quản lý khu công nghiệp HM I thuộc khối Tân Thành, phường QT, thị xã HM để nhận tiền đền bù nên vào lúc 16 giờ cùng ngày, Nguyễn Thị B đi đến Ban quản lý khu công nghiệp HM I để gặp ông A xin trả tiền. Khi đến nơi ngồi chờ một lúc thấy ông Vũ A đi đến thì B ra gặp chào hỏi “ Anh đi đó rồi à, chị không đi à anh” nhưng ông A không nói gì mà đi vào phòng làm thủ tục nhận tiền thì B cũng đi theo. Ông Vũ A nhận số tiền 850 triệu đồng gồm nhiều xấp tiền với mệnh giá khác nhau bỏ vào 01 túi ni lông đen rồi xoắn lại cầm ở tay trái đi ra khỏi phòng thì B đi theo, dùng hai tay ôm lấy cánh tay ông A rồi năn nỉ “Anh ơi, bữa ni anh lấy được nhiều tiền, trả cho em ít tiền” nhưng ông A nói “không, anh không biết mô, em về mà gặp chị” B nói tiếp “ em ra nhà anh nhiều lần rồi mà bữa mô chị cũng nói không có tiền, bữa ni anh có tiền đây thì trả cho em một ít” Ông A trả lời “anh không biết, anh không trả mô” và giằng tay B ra. Lúc này Nguyễn Thị B ngồi bệt xuống đất, hai tay ôm chân của ông A níu giữ lại, vừa khóc lóc xin ông A trả cho ít tiền, ông A vẫn tiếp tục đi thì kéo lê B theo khoảng 2m. Quá trình giằng co, trên tay của B cầm 01 chùm chìa khoá xe mô tô níu chân, níu tay ông A xin tiền thì ông A cố giứt ra, tay của Nguyễn Thị B đang cầm chùm chìa khoá bị va vào túi tiền thì túi tiền của ông A bị rách, tất cả cọc tiền rơi hết xuống nền nhà. Lúc này, nhân lúc ông A lúng túng không có khả năng quản lý tài sản nên Nguyễn Thị B thấy có một cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng được cột bằng dây chun rơi xuống gần chỗ mình thì lấy để vào trong ống quần và ôm chặt ống quần rồi nói với ông A “Anh ơi, em lấy một cục tiền đây, bắt 50 triệu nha”, ông A nói không được và yêu cầu B Trả lại, rồi gỡ tay B ra để lấy nhưng B vẫn ngồi bệt ôm ống quần không trả lại tiền. Lúc này ông Nguyễn Trí T là bảo vệ của Ban quản lý đến lấy 01 túi ni lông khác đưa cho ông A rồi cùng ông A nhặt tiền cho vào túi thì B đứng dậy đi vào nhà vệ sinh rồi cất tiền vào trong quần. Thấy B ở trong nhà vệ sinh đi ra thì ông A yêu cầu B trả lại nhưng B không trả rồi nói “Em lấy tiền thì em ghi lại cho anh tờ giấy”. Khi cả B và ông A đi ra khỏi sảnh tầng 1 thì ông A yêu cầu B ở lại để gọi điện cho bà Ý. Một lúc sau bà Ý đi đến thì giữa B và bà Ý xảy ra cãi vã. Nguyễn Thị B xin 01 tờ giấy và viết nội dung “ Tôi: Nguyễn Thị B khối TH, phường QT, tỉnh NA. Tôi có lấy của anh Vũ A số tiền 50 triệu đồng. Tôi có việc phải đi, có gì mai tôi sẽ gặp các cơ quan và gia đình sau”, sau đó B đi vào trong nhà để trả bút thì không thấy ai đi theo mình nên đi ra bằng cửa chính rồi lấy xe đi về, khi vừa đi thì thấy bà Ý đang chạy đến nên B vút lại tờ giấy cho bà Lê Thị M là người quen của hai nhà cũng đi lấy tiền đền bù rồi nói “cầm cho em tờ giấy” bà M hỏi “giấy gì” thì B nói “em viết trong đó rồi” rồi phóng xe đi khỏi.

Ông Vũ A và Bùi Thị Ý thấy vậy liền trình báo cơ quan Công an. Sau khi biết hành vi của mình bị trình báo thì Nguyễn Thị B đã đến khai báo và giao nộp lại số tiền 50.000.000 đồng vừa chiếm đoạt.

Về vật chứng vụ án và tài sản liên quan:

- Số tiền 50.000.000 đồng gồm 100 tờ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam, mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng đã được trả lại cho chủ sở hữu.

- 01 tờ giấy ghi nội dung lấy số tiền 50 triệu của ông Vũ A là vật chứng được lưu theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Vũ A sau khi nhận lại được số tiền 50.000.000 đồng đã không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Cáo trạng số 08/CT-VKSHM ngày 05/01/2022 của VKS nhân dân thị xã HM đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị B để xét xử về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 172 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện VKS nhân dân thị xã HM, tỉnh NA vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”.

Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 2 Điều 172 của BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B mức án từ 24 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng. Giao bị cáo cho UBND phường QT giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đã trả lại cho bị hại.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị B khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng truy tố. Bị cáo không có tranh luận với đại diện VKS về tội danh, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đó được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã HM, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã HM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ căn cứ để khẳng định: Khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại Ban quản lý khu công nghiệp HM I ở khối Tân Thành, phường QT, thị xã HM, nhân lúc túi ni lông đựng số tiền 850 triệu đồng của ông Vũ A bị rách các cọc tiền rơi hết xuống nền nhà, ông Vũ A không quản lý hết được, Nguyễn Thị B đã chiếm đoạt của ông Á số tiền 50.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị B có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. HĐXX xét thấy hành vi của bị cáo Nguyễn Thị B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng quy kết là đúng người, đúng pháp luật.

[3]. Bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình, biết rõ những việc mình làm là vi phạm pháp luật. Chỉ vì lòng tham nhất thời mà bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hậu quả bị cáo đã gây ra.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Bố mẹ bị cáo được tặng thưởng huy chương kháng chiến là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có công việc và nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo thành người tốt nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà căn cứ vào Điều 65 của BLHS cho bị cáo được hưởng án treo là đủ nghiêm.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 172 của BLHS năm 2015 người phạm tội còn có thể bị phạt tiền bổ sung từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng. Hội đồng xét xử xét căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ và lời khai tại phiên tòa bị cáo có công việc có thu nhập, gia đình không thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo do đó cần phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[7]. Về vật chứng vụ án: Đã trả lại cho bị hại.

[8]. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị B phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 172; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị B 24 (hai tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt tiền bổ sung bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Giao bị cáo Nguyễn Thị B cho UBND phường QT, thị xã HM, tỉnh NA giám sát giáo dục bị cáo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường QT giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị B phải nộp 200,000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND thị xã HM;
- THADS;
- TAND tỉnh NA;
- VKS tỉnh NA;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP, HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Lĩnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bảy

Nguyễn Văn Hương

Phạm Hồng Lĩnh